

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-ST
Ngày 19-8-2025
V/v tranh chấp về quyền sở hữu
trí tuệ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2025/TLST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 11/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V1; trụ sở: K V, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng (nay là K V, phường H, thành phố Hải Phòng).

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Đình K, Tổng Giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty L và cộng sự; trụ sở: Tầng F Tòa M, F N, phường T, thành phố Hà Nội. (Theo giấy ủy quyền số 14.06/2024/GUQ ngày 14 tháng 6 năm 2024); vắng mặt.

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Đăng Nhật M – Luật sư Công ty L và cộng sự; trụ sở: Tầng F Tòa M, F N, phường T, thành phố Hà Nội. (Theo giấy uỷ quyền lập ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa Công ty L và cộng sự và Ông Nguyễn Đăng Nhật M); có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty S; trụ sở: K V, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng (nay là K V, phường H, thành phố Hải Phòng).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lâm Văn H, sinh năm 1961; địa chỉ thường trú: Số D T, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng (nay là Số D T, phường H, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo Đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên V1 (TNHH V1) VINAUSTEEL và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày*:

Năm 2014, Công ty Liên doanh V1, nay là Công ty TNHH MTV V1 (gọi tắt là VINAUSTEEL) được Cục Sở hữu trí tuệ cấp 02 Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu gồm:

+ Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu số 222236 sử dụng cho sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 06: các sản phẩm thép cán, thép kéo);

+ Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu số 225394 sử dụng cho sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 06: các sản phẩm thép cán, thép kéo.

Trong quá trình quản lý sử dụng Nhãn hiệu, ngày 09/05/2019, Công ty Liên doanh V1 do ông Trần Tuấn A - Tổng Giám đốc làm đại diện và Công ty S (gọi tắt là SSE) do ông Lâm Văn H - Tổng Giám đốc làm đại diện đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng Nhãn hiệu). Theo đó Công ty Liên doanh V1 đồng ý chuyển giao, chuyển nhượng miễn phí toàn bộ quyền sở hữu và các quyền khác liên quan đến Nhãn hiệu cho SSE để SSE sử dụng cho việc sản xuất các sản phẩm, dịch vụ đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu.

Tại thời điểm ký kết Hợp đồng ngày 09/05/2019: Công ty Liên doanh V1 là công ty liên doanh giữa các bên gồm: Tổng công ty T (sở hữu 30% vốn) và Công ty V2 (sở hữu 70% vốn - sau đây gọi tắt là "VII"), trong đó ông Lâm Văn H vừa là người đại diện của VII, vừa là người được VII ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Liên doanh V1.

SSE là công ty D (Singapore) sở hữu 100% vốn và VII lại là công ty mẹ sở hữu 100% vốn của D (Singapore). Ông Lâm Văn H vừa là người đại diện của VII, vừa là người đại diện theo pháp luật của SSE.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 67 và khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014 (có hiệu lực tại thời điểm 09/05/2019), trong hoạt động của Công ty Liên doanh V1 thì SSE được xác định là tổ chức/người có liên quan của ông Lâm Văn H - người đại diện theo ủy quyền của thành viên VII trong Hội đồng quản trị Công ty Liên doanh V1 và giao dịch giữa Công ty Liên doanh V1 và SSE phải được Hội đồng quản trị của Công ty Liên doanh V1 chấp thuận.

Tuy nhiên, quá trình giao kết hợp đồng đã không được thông báo hay gửi dự thảo để Hội đồng quản trị Công ty Liên doanh V1 xem xét, biểu quyết thông qua. Mặt khác, việc chuyển nhượng miễn phí Nhãn hiệu là tài sản của Công ty Liên doanh V1 cho SSE làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp Công ty

Liên doanh V1 cũng như các chủ sở hữu. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 67 Luật Doanh nghiệp 2014 thì Hợp đồng giữa Công ty Liên doanh V1 và SSE về việc chuyển nhượng Nhãn hiệu bị vô hiệu do được ký kết không đúng quy định, gây thiệt hại cho VINAUSTEEL. Ngay khi phát hiện ra việc chuyển nhượng Nhãn hiệu không đúng quy định, VINAUSTEEL và đơn vị tư vấn luật đã làm việc, trao đổi với SSE nhiều lần, trong đó đã gửi các Văn bản đề nghị SSE hoàn trả quyền sở hữu Nhãn hiệu như: Văn bản số 90/CV/VA ngày 22/06/2022, Văn bản số 102/CV/VA ngày 05/07/2022, Văn bản số 109/CV/VA ngày 15/07/2022, Văn bản số 140/CV/VA ngày 31/05/2024. Tuy nhiên, đến nay VINAUSTEEL chưa nhận được bất kỳ phản hồi nào từ phía SSE, dẫn đến việc VINAUSTEEL không thể thực hiện thủ tục gia hạn hiệu lực của các Giấy chứng nhận Nhãn hiệu theo quy định của pháp luật. Trong quá trình đề nghị SSE hoàn trả 02 Nhãn hiệu nói trên, VINAUSTEEL không nhận được sự hợp tác của SSE để thực hiện việc hoàn trả. Trước đó thậm chí SSE tiếp tục làm thủ tục gia hạn 02 Nhãn hiệu nói trên tại Cục Sở hữu trí tuệ (yêu cầu gia hạn văn bằng bảo hộ cho cả 02 Nhãn hiệu ngày 06/5/2022, Nhãn hiệu 222236 đã được gia hạn đến ngày 06/8/2032, Nhãn hiệu 225394 đã được gia hạn đến ngày 04/10/2032).

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Công ty TNHH MTV V1 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết các yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

1. Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng 02 Nhãn hiệu theo giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu số 222236 và số 225394 đều sử dụng cho sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm 06: Các sản phẩm thép cán, thép ngày 09/05/2019 giữa Công ty TNHH MTV V1 do ông Trần Tuấn A – Tổng giám đốc làm đại diện và Công ty S do ông Lâm Văn H – Tổng giám đốc làm đại diện ký kết là vô hiệu;

2. Buộc Công ty S trả lại quyền sở hữu 02 Nhãn hiệu theo Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu số 222236 cấp ngày 02.4.2014 và số 225394 cấp ngày 02.6.2014 cho VINAUSTEEL. Buộc SSE làm các thủ tục đề Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện xác lập quyền chủ sở hữu của VINAUSTEEL đối với 02 nhãn hiệu số 222236 và số 225394.

- Đối với bị đơn là Công ty S:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập Công ty S SSE đến Tòa án để làm việc. Tuy nhiên, Công ty S đều vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại trụ sở Công ty và nơi cư trú của người đại diện hợp pháp của Công ty là ông Lâm Văn H.

- Tài liệu do Tòa án thu thập thể hiện như sau:

+ Ông Trần Tuấn A – Nguyên là Tổng Giám đốc Công ty liên doanh V1 cung cấp: Ông là Tổng Giám đốc Công ty liên doanh V1 từ năm 2018 đến năm 2022. Công ty có 30% vốn nhà nước và 70% vốn nước ngoài (Úc). Hai Nhãn hiệu hàng hoá số 222236 và 22394 là do Công ty đăng ký Nhãn hiệu với Cục S1 trí tuệ và được cấp vào các ngày 02/4/2014 và 02/6/2014, Nhãn hiệu thuộc nhóm sản phẩm

thép cán, thép kéo. Trong các Nhãn hiệu nêu trên có hình ảnh con Kangaroo, hình ảnh này thuộc quyền sở hữu của Công ty S. Công ty S SSE cho Công ty liên doanh V1 mượn hình ảnh con Kangaroo để đăng ký Nhãn hiệu. Ngày 09/5/2019 ông có ký Hợp đồng chuyển nhượng Nhãn hiệu với Công ty S do ông Lâm Văn H là Tổng Giám đốc ký bên nhận chuyển nhượng. Trước khi ký Hợp đồng chuyển nhượng, Công ty liên doanh V1 không họp Hội đồng quản trị, không có biên bản họp Hội đồng quản trị về việc chuyển nhượng hai Nhãn hiệu hàng hoá nêu trên. Lý do ký hợp đồng chuyển nhượng là vì hai Nhãn hiệu hàng hoá sắp hết hạn và chuẩn bị đến thời điểm gia hạn nhưng Công ty liên doanh V1 không thể tự gia hạn vì hình ảnh con Kangaroo thuộc quyền sở hữu của Công ty S. Nay Công ty TNHH MTV V1 khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng Nhãn hiệu nêu trên vô hiệu và trả lại hai Nhãn hiệu cho Công ty TNHH MTV V1, ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Tại Công văn số 1864/SHTT-TTTT ngày 26/5/2025 của Cục S1 trí tuệ cung cấp các tài liệu về việc đăng ký 02 Nhãn hiệu hàng hoá và việc chuyển nhượng hai Nhãn hiệu hàng hoá nêu trên, bao gồm: Bản sao đăng bạ quốc gia Nhãn hiệu; tờ khai đơn đăng ký Nhãn hiệu; tờ khai đơn chuyển nhượng Nhãn hiệu.

+ Tại Công văn số 255/CV-ĐKKD ngày 19/5/2025 của Sở Tài chính thành phố H cung cấp: Công ty S (mã số doanh nghiệp B1) được Phòng Đăng ký kinh doanh thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu ngày 08/8/1997, thay đổi lần thứ 10 ngày 31/7/2020; tình trạng pháp lý “*Đang hoạt động*”.

+ Tại Công văn số 1272/CCTKV03-TTKT3 ngày 25/6/2025 của Chi Cục thuế khu vực I cung cấp: Đến thời điểm tháng 5/2025, Công ty S còn nợ thuế là 57.768.998.003 đồng.

- *Tại phiên tòa:*

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc SSE làm các thủ tục để Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện xác lập quyền sở hữu của VINAUSTEEL đối với 02 Nhãn hiệu nêu trên. Việc Công ty liên doanh V1 ký Hợp đồng chuyển nhượng 02 Nhãn hiệu hàng hoá cho Công ty S vào ngày 09/05/2019 khi chưa được Hội đồng quản trị của Công ty liên doanh V1 xem xét, biểu quyết thông qua tại cuộc họp thường niên là vi phạm điểm 8.2 Điều 8; điểm 9.1 Điều 9; điểm 9.5 mục (10) Điều 9 Điều lệ công ty ngày 08/11/1999 và vi phạm khoản 3 Điều 67 Luật Doanh nghiệp 2014. Do đó, Hợp đồng nêu trên là vô hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VINAUSTEEL.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng Nhãn hiệu ngày 09/05/2019 vô hiệu. Buộc SSE trả lại quyền sở hữu 02 Nhãn hiệu nêu trên. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc SSE làm các thủ tục để Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện xác lập quyền chủ sở hữu của V đối với 02 nhãn hiệu này.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH MTV V1 khởi kiện Công ty S về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng 02 Nhãn hiệu theo giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu số 222236 và số 225394 là vô hiệu; buộc Công ty S trả lại quyền sở hữu 02 Nhãn hiệu nêu trên. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ”. Công ty S là Công ty có 100% vốn nước ngoài (Singapore). Căn cứ khoản 2 Điều 30; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn là Công ty S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- *Về nội dung:*

[3] Công ty TNHH MTV V1 hiện nay do Tổng công ty T - CTCP đầu tư 100% vốn điều lệ; là đơn vị kế thừa quyền, nghĩa vụ của Công ty liên doanh V1. Tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa năm 2019, Công ty là liên doanh giữa doanh nghiệp Việt Nam là Tổng Công ty T sở hữu 30% vốn và doanh nghiệp nước ngoài là Công ty V2 (Công ty được thành lập ở Úc) sở hữu 70% vốn. Công ty S SSE là Công ty TNHH Một thành viên V1, chủ sở hữu của Công ty D (Singapore), sở hữu 100% vốn.

[4] Năm 2014, Công ty Liên doanh V1 được Cục S1 trí tuệ cấp 02 Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu gồm: Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu số 222236 sử dụng cho sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 06: các sản phẩm thép cán, thép kéo, cấp ngày 02/4/2014 và Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu số 225394 sử dụng cho sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 06: các sản phẩm thép cán, thép kéo, cấp ngày 02/6/2014.

[5] Ngày 09/5/2019, Công ty liên doanh V1 với Công ty S có ký Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu, theo đó Công ty liên doanh V1 chuyển nhượng miễn phí 02 Nhãn hiệu nêu trên cho Công ty S.

[6] Về hình thức của Hợp đồng: Hợp đồng được lập thành văn bản, có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu của Công ty. Đại diện bên chuyển nhượng là ông Trần Tuấn A – Tổng Giám đốc Công ty, đại diện bên nhận chuyển nhượng là ông Lâm Văn H – Tổng Giám đốc Công ty. Như vậy, về hình thức của Hợp đồng là đảm bảo theo quy định tại Điều 119, 385, 450 Bộ luật Dân sự và Điều 138 Luật Sở hữu trí tuệ.

[7] Về nội dung của Hợp đồng: Trong Hợp đồng thể hiện đầy đủ các thông tin về bên chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng; thông tin về 02 Nhãn hiệu hàng hoá cần chuyển nhượng, mục đích chuyển nhượng và quyền, nghĩa vụ của các bên. Cụ thể: *“Điều 1. Bên giao, bằng hợp đồng này, đồng ý chuyển giao cho Bên nhận quyền sở hữu nhãn hiệu cho việc sản xuất các sản phẩm/ dịch vụ đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (“Nhãn hiệu chuyển nhượng”). Điều 2. Bên giao tại đây cam kết và bảo đảm rằng mọi quyền, lợi ích hợp pháp gắn liền hoặc liên quan đến nhãn hiệu chuyển nhượng đều thuộc quyền sở hữu của Bên giao và bằng Hợp đồng này chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu và các quyền khác liên quan đến nhãn hiệu chuyển nhượng nêu trên cho Bên nhận. Bên nhận chuyển nhượng đồng ý tiếp nhận toàn bộ các quyền trên từ Bên giao. Điều 3. Bên giao đồng ý chuyển giao miễn phí các nhãn hiệu nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho Bên nhận. Điều 4. Bên nhận đồng ý tiến hành mọi thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển nhượng này với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ghi nhận chủ sở hữu mới đối với các nhãn hiệu nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này. Bên nhận tại đây cũng xác nhận rằng mình đã nhận các bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nêu trên từ Bên giao. Bên giao tại đây cam kết sẽ hỗ trợ Bên nhận trong quá trình đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng này tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo việc đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng được thuận lợi cho đến khi Bên nhận được ghi nhận là chủ sở hữu mới đối với nhãn hiệu chuyển nhượng.”*

[8] Tại thời điểm năm 2019, Công ty hoạt động theo Điều lệ ngày 08/11/1999. Hoạt động của Công ty phải tuân theo quy định Luật Doanh nghiệp năm 2014. Theo Luật Doanh nghiệp năm 2014, thì Công ty được xác định là loại hình Công ty TNHH H1.

Tại khoản 1, 2 Điều 67 Luật Doanh nghiệp năm 2014 về hợp đồng, giao dịch phải được Hội đồng thành viên chấp thuận quy định:

“1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên chấp thuận:

a) Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty;

b) Người có liên quan của những người quy định tại điểm a khoản này;

c) *Người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;*

d) *Người có liên quan của người quy định tại điểm c khoản này.*

2. *Người ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch dự định tiến hành. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác thì Hội đồng thành viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; trong trường hợp này, hợp đồng, giao dịch được chấp thuận nếu có sự tán thành của số thành viên đại diện ít nhất 65% tổng số vốn có quyền biểu quyết. Thành viên có liên quan trong các hợp đồng, giao dịch không được tính vào việc biểu quyết”.*

[9] Theo điểm 9.1 Điều 9 Điều lệ công ty ngày 08/11/1999 thì Tổng giám đốc được hội đồng quản trị ủy quyền quản lý, chịu trách nhiệm về tất cả các hoạt động của Công ty liên doanh theo sự hướng dẫn của Hội đồng quản trị và báo cáo với Hội đồng quản trị.

Tại Mục (10) điểm 9.5 Điều 9 của Điều lệ quy định Tổng giám đốc chỉ có quyền quản lý nhãn hiệu hàng hóa, không có quyền chuyển nhượng.

Theo quy định tại điểm 8.2 Điều 8 thì mọi vấn đề liên quan đến Công ty liên doanh V1 sẽ được quyết định theo nguyên tắc có đa số ủy viên Hội đồng quản trị, kể cả người được ủy nhiệm, tham dự họp tán thành.

[10] Như vậy, theo các quy định nêu trên thì với việc chuyển nhượng 02 Nhãn hiệu hàng hoá là một trong những nội dung cần phải có sự thống nhất, bàn bạc của Hội đồng quản trị của Công ty, là cơ quan lãnh đạo của doanh nghiệp liên doanh, gồm đại diện của các bên tham gia doanh nghiệp liên doanh.

[11] Tại điểm 8.6 Điều 8 Điều lệ ngày 08/11/1999 quy định: “*Các cuộc họp của HĐQT sẽ do Chủ tịch HĐQT định kỳ triệu tập ít nhất mỗi năm một lần trong vòng hai tháng sau khi kết thúc năm tài chính. Các cuộc họp bất thường của HĐQT có thể do Chủ tịch HĐQT triệu tập hoặc do yêu cầu của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc thứ nhất hoặc quá nửa số Ủy viên HĐQT. Các Ủy viên HĐQT có thể uỷ quyền người khác thay mặt cho mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT”.*

Tại điểm 8.5 Điều 8 Điều lệ quy định: “*Chủ tịch HĐQT sẽ chuyển dự thảo của các biên bản các cuộc họp HĐQT cho tất cả các Ủy viên HĐQT trong thời gian 7 ngày làm việc tính từ ngày họp. Người được mỗi bên cử sẽ phải trả lời Chủ tịch HĐQT trong thời gian 7 ngày làm việc tiếp theo nêu rõ sự tán thành hay phản đối của họ với biên bản họp HĐQT dự thảo. Khi các biên bản họp HĐQT dự thảo đã được tán thành, các biên bản họp này sẽ được ký bởi Chủ tịch HĐQT và một Ủy viên HĐQT khác là người được đề cử bởi bên không đề cử Chủ tịch HĐQT”.*

[12] Tại Biên bản họp hàng năm của Hội đồng quản trị Công ty ngày 15/3/2019, có các nội dung gồm: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018; Kế

hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019; điều chỉnh lương; phương án tái cấu trúc và đầu tư. Tuy nhiên, trong biên bản này không có nội dung thống nhất về việc chuyển nhượng 02 Nhãn hiệu hàng hoá nêu trên.

[13] Ông Trần Tuấn A – Nguyên là Tổng Giám đốc Công ty liên doanh V1 cũng xác nhận: Trước khi ký Hợp đồng chuyển nhượng, Công ty liên doanh V1 không họp Hội đồng quản trị, không có biên bản họp Hội đồng quản trị về việc chuyển nhượng hai Nhãn hiệu hàng hoá nêu trên.

[14] Như vậy, việc chuyển nhượng 02 Nhãn hiệu hàng hoá nêu trên của Công ty liên doanh V1 là vi phạm các quy định của pháp luật, vi phạm Điều lệ của Công ty. Căn cứ quy định tại Điều 123 Bộ luật Dân sự, Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu ngày 09/5/2019 là vô hiệu.

[15] Về hậu quả của Hợp đồng vô hiệu:

[15.1] Hiện nay, mặc dù trên giấy tờ pháp lý đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thể hiện tình trạng hoạt động của Công ty S vẫn đang hoạt động. Tuy nhiên, thực tế Công ty đã ngừng sản xuất kinh doanh, đến thời điểm tháng 5/2025, Công ty S còn nợ thuế là 57.768.998.003 đồng. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì thực tế hiện nay Công ty S cũng không sử dụng 02 Nhãn hiệu này.

[15.2] Tại khoản 3 Điều 67 Luật doanh nghiệp, quy định: “3. *Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây thiệt hại cho công ty*”....

[15.3] Do Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu ngày 09/5/2019 là vô hiệu, căn cứ khoản 2 Điều 131 Bộ luật Dân sự: Buộc Công ty S SSE trả cho Công ty TNHH MTV V1 02 nhãn hiệu gồm: Nhãn hiệu số 222236 sử dụng cho sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 06: các sản phẩm thép cán, thép kéo, cấp ngày 02/4/2014. Nhãn hiệu số 225394 sử dụng cho sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 06: các sản phẩm thép cán, thép kéo, cấp ngày 02/6/2014.

Do việc chuyển nhượng 02 Nhãn hiệu nêu trên là miễn phí và các bên đều có lỗi ngang nhau trong việc chuyển nhượng Nhãn hiệu nêu trên, do đó không bên nào phải bồi thường cho bên nào.

[16] Tại phiên toà, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung buộc SSE làm các thủ tục đề Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện xác lập quyền chủ sở hữu của V đối với 02 nhãn hiệu này. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[17] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[18] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 30; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; Điều 244; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 119, Điều 123; khoản 2 Điều 131; Điều 385, 450 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 16 Điều 4; Điều 6, 8, 72; 138 Luật Sở hữu trí tuệ

Căn cứ khoản 1 Điều 67 và khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V1 (TNHH V1):

1.1. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng 02 Nhãn hiệu theo Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu số 222236 cấp ngày 02/4/2014 và số 225394 cấp ngày 02/6/2014 đều sử dụng cho sản phẩm/dịch vụ thuộc nhóm 06: Các sản phẩm thép cán, thép ngày 09/05/2019 giữa Công ty TNHH MTV V1 và Công ty S là vô hiệu;

1.2. Buộc Công ty S trả lại quyền sở hữu 02 Nhãn hiệu theo Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu số 222236 cấp ngày 02/4/2014 và số 225394 cấp ngày 02/6/2014 cho Công ty TNHH MTV V1.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc SSE làm các thủ tục đề Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện xác lập quyền chủ sở hữu của Vinausteel đối với 02 Nhãn hiệu số 222236 cấp ngày 02/4/2014 và số 225394 cấp ngày 02/6/2014.

3. Về án phí: Công ty S phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH MTV V1 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp. (Theo Biên lai thu tiền số 0001206 ngày 10/4/2025 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)).

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thúy Nguyễn Thị Luyện

Bùi Thị Thúy Hà